

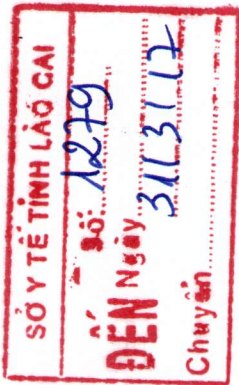
ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI

Số: 978/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 28 tháng 3 năm 2017.



## QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng  
Công trình: Nhà điều trị Nội C và nhà rèn luyện thể chất tại Bệnh viện  
Đa khoa tỉnh Lào Cai.

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án công trình xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số: 39/TTr-SKH ngày 22/3/2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình: Nhà điều trị Nội C và nhà rèn luyện thể chất tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai, với các nội dung như sau:

**1. Tên dự án:** Nhà điều trị Nội C và rèn luyện thể chất tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai.

**2. Chủ đầu tư:** Sở Y tế tỉnh Lào Cai.

**3. Tổ chức tư vấn lập dự án:** Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam - VCC.

**4. Tổ chức thẩm định:** Sở Kế hoạch và Đầu tư

**5. Lý do điều chỉnh, bổ sung:**

- Thay đổi quy mô công trình Nhà điều trị Nội C từ 30 giường bệnh lên thành 50 giường bệnh để đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của Bệnh viện cho nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân địa phương và đối tượng là cán bộ cao cấp, cán bộ lão thành cách mạng.

- Do thay đổi về định mức đơn giá xây dựng công trình của tỉnh.

**6. Nội dung và quy mô sau điều chỉnh:**

6.1 Nhà điều trị Nội C: Thay đổi quy mô từ xây dựng Nhà khám điều trị Nội C từ 30 giường bệnh lên thành 50 giường bệnh với thiết kế mới như sau:

+ Nhà cao 03 tầng, công trình cấp III, kiến trúc hình chữ Nhất, kích thước tim trục là 50,4m x 24,7m; Diện tích xây dựng công trình là 1.072 m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn là 2.981 m<sup>2</sup>. Cao độ tầng 1 (tương ứng với cốt ±0,00m) cao hơn cốt sân trước là 0,75m. Chiều cao công trình tính từ cốt sân đến đỉnh mái là 15,75m, trong

(7/8)  
- Ban QLXD  
- (chữ)  
1/2

đó: Chiều cao nền nhà là 0,75m; Chiều cao tầng 1 là 4,2m; Chiều cao tầng 2-3 là 3,6m/tầng; Chiều cao mái là 3,6m.

+ Nền, sàn các tầng lát gạch Granite 600x600mm; Nền, sàn vệ sinh lát gạch chống trơn 300x300mm; Mái lợp tôn liên doanh trên hệ xà gồ thép, tường thu hồi xây gạch chỉ; Tum mái đổ bê tông cốt thép, phía trên quét sơn chống thấm, lán vữa và lát gạch gốm 300x300mm. Tường bao che xây gạch M75# VXM M50# dày 220mm, tường ngăn khu vệ sinh xây gạch M75# VXM M50# dày 110mm, trát tường VXM M50# dày 15mm, trát trần, dầm giằng VXM M75# dày 15mm. Toàn bộ tường nhà lán sơn (không bả matit) 1 nước lót, 2 lớp phủ.

+ Kết cấu móng đơn bê tông cốt thép, kết cấu thân nhà hệ khung bê tông cốt thép. Bê tông móng, giằng móng, cột, dầm giằng, sàn sử dụng bê tông cấp độ bền chịu nén B20 (M250#) đá  $D_{max} = 2\text{cm}$  (40%-70%) đá cỡ 0,5cm x 1cm, (60%-30%) đá cỡ 1cm x 2cm). Cốt thép  $< \Phi 10$  là thép CB240-T có  $R_{sn} = 240\text{MPa}$ , cốt thép  $\geq \Phi 10$  là thép CB400-V có  $R_{sn} = 400\text{MPa}$ .

+ Cấp điện cho tủ điện tổng của công trình được lấy từ tủ điện KV hiện có của bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai, từ tủ điện tổng của công trình cấp điện cho tủ điện các tầng bằng cáp Cu/XLPE/PVC (4x16)mm<sup>2</sup>; Cấp cho tủ điện tầng tum bằng cáp Cu/XLPE/PVC (4x6)mm<sup>2</sup>; Cấp cho phụ tải thang máy bằng cáp Cu/XLPE/PVC (4x10)mm<sup>2</sup>; Cấp cho phụ tải bơm nước bằng cáp Cu/XLPE/PVC (4x2,5)mm<sup>2</sup>; Từ tủ điện các tầng cấp điện cho tủ điện các phòng sau đó cấp điện cho các thiết bị tiêu thụ điện. Toàn bộ hệ thống điện được đi trong ống ghen và đi ngầm trong tường.

+ Chống sét cho công trình sử dụng kim thu sét D16 cao 1,5m bố trí trên đỉnh mái để chống sét cho công trình, dây dẫn sét sử dụng thép tròn mạ kẽm D10, dây tiếp địa sử dụng thép tròn mạ kẽm D14, cọc tiếp địa L63x63x6 dài  $L = 2,5\text{m}$ . Điện trở nối đất đảm bảo  $R \leq 10\Omega$ .

+ Cấp nước cho công trình được lấy từ hệ thống cấp nước hiện có của bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai, sau đó cấp cho bể nước ngầm đặt bên phải, phía sau công trình. Từ bể nước ngầm, thông qua hệ thống máy bơm, nước được cấp cho các bình inox đặt trên mái bằng ống  $\Phi 75$ . Nước từ các bình inox cấp cho các thiết bị tiêu thụ nước bằng đường ống  $\Phi 75$ ,  $\Phi 40$ ,  $\Phi 32$ ,  $\Phi 25$  và  $\Phi 20$ .

+ Nước thải từ các khu vệ sinh thoát vào bể tự hoại bằng đường ống PVC  $\Phi 110$ , sau đó thoát ra hệ thống thoát nước bản bằng đường ống PVC  $\Phi 110$ ; Nước rửa, nước sàn khu vệ sinh thoát trực tiếp ra rãnh nước ngoài nhà bằng đường ống PVC  $\Phi 110$ .

+ Hệ thống thoát nước ngoài nhà: Sử dụng hố ga, rãnh thoát nước xây gạch B300, thoát nước vào hệ thống thoát nước ngoài nhà.

6.2 Nhà rèn luyện thể chất: Không đầu tư xây dựng trong giai đoạn này.

6.3 Bổ sung thiết bị: Bổ sung nội thất Nhà điều trị nội C: Bàn ghế làm việc Hòa Phát; ti vi; giường gỗ; tủ quần áo; ghế ngồi chờ; rèm cửa...;

6.4 Bổ sung hệ thống cấp điện, cấp nước ngoài nhà: Tuyến cáp ngầm từ Cu/XLPE/DSTA/PVC(4x95)mm<sup>2</sup> dài L= 200m kéo từ trạm biến áp Khu nhà cấp cứu và phục hồi chức năng; Tuyến ống cấp nước HDPE D32 dài L = 220m kéo từ Hồ van cấp nước đường B8; bể nước ngầm 50m<sup>3</sup>.

6.5 Bổ sung thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy theo yêu cầu của đơn vị thẩm định;

6.6 Điều chỉnh lại dự toán hạng mục công trình đã phê duyệt theo chế độ chính sách hiện hành.

6.7 Các nội dung khác: Thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 4386/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND tỉnh Lào Cai.

**7. Địa điểm xây dựng:** Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai, đường Chiềng On, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

**8. Loại, cấp công trình:** Công trình xây dựng dân dụng, cấp III.

**9. Tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh, bổ sung: 33.587.000.000 đồng.**

*Trong đó:*

- Chi phí xây dựng:	20.974.600.178 đồng.
- Chi phí thiết bị:	5.520.535.590 đồng.
- Chi phí Quản lý dự án:	660.692.340 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.042.043.368 đồng.
- Chi phí khác:	1.249.617.717 đồng.
- Chi phí dự phòng:	3.139.510.808 đồng.

Tổng mức đầu tư đã duyệt tại Quyết định số 4386/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai là: **25.000.000.000 đồng**; điều chỉnh, bổ sung tổng mức đầu tư đợt này là: **8.587.000.000 đồng**.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**10. Nguồn vốn đầu tư:** Nguồn thu tiền sử dụng đất + Nguồn vốn sự nghiệp kiến thiết thị chính ngân sách tỉnh.

**11. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**12. Thời gian thực hiện dự án:** Theo kế hoạch vốn UBND tỉnh giao.

**Điều 2.** Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Luật Xây dựng và các Quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành có liên quan và Chủ đầu tư căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch; PCT1;
- Các sở: KH&ĐT, TC, XD;
- Chủ đầu tư (4 bản);
- Lưu: VT, QLĐT1.

**CHỦ TỊCH**



**Đặng Xuân Phong**

**PHỤ LỤC**

**Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Nhà điều trị Nội C và nhà rèn luyện thể chất tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai**  
(Kèm theo QĐ số: 978/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị đã phê duyệt tại QĐ số 4386/QĐ-UBND ngày 04/12/2015	Giá trị điều chỉnh, bổ sung đợt này	Giá trị phê duyệt sau điều chỉnh, bổ sung
<b>I.</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>Gxd</b>	<b>gxd1 + gxd2 + gxd3 + gxd4</b>	<b>18.683.499.802</b>	<b>2.291.100.376</b>	<b>20.974.600.178</b>
1.	Nhà điều trị Nội C	gxd1		13.670.049.505	5.920.230.171	19.590.279.676
2.	Nhà rèn luyện thể chất	gxd2		4.254.460.198	-4.254.460.198	0
3.	Cấp điện, cấp thoát nước ngoài nhà	gxd3		0	474.770.166	474.770.166
4.	Đường nội bộ	gxd4		758.990.099	150.560.237	909.550.336
<b>II.</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ</b>	<b>Gtb</b>	<b>gtb1 + gtb2 + gtb3</b>	<b>2.534.429.934</b>	<b>2.986.105.656</b>	<b>5.520.535.590</b>
1.	Thiết bị điện, nước	gtb1		34.429.934	1.134.154.566	1.168.584.500
2.	Thang máy	gtb2		2.500.000.000	0	2.500.000.000
3.	Nội thất	gtb3		0	1.851.951.090	1.851.951.090
<b>III.</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>Gqlda</b>	<b>(Gxd + Gtb) x 2,7430%</b>	<b>418.186.106</b>	<b>242.506.234</b>	<b>660.692.340</b>
<b>IV.</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	<b>Gtv</b>	<b>gtv1 + gtv2 + .... + gtv10</b>	<b>1.516.002.213</b>	<b>526.041.154</b>	<b>2.042.043.368</b>
1.	Chi phí khảo sát địa chất	gtv1		40.214.588	0	40.214.588
2.	Chi phí lập dự án	gtv2	(Gxd + Gtb) x 0,8920%	117.759.510	118.577.101	236.336.611
3.	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	gtv3	Gxd x 2,993%	533.787.589	93.982.194	627.769.783
4.	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC, DT	gtv4	Gxd x 0,446%	69.128.949	24.417.768	93.546.717
5.	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	gtv5	Gxd x 0,354%	54.182.149	20.067.935	74.250.085
6.	Chi phí lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị	gtv6	Gtb x 0,367%	7.273.814	12.986.552	20.260.366
7.	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình	gtv7	Gxd x 2,8930%	445.788.305	161.006.878	606.795.183
8.	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	gtv8	Gtb x 0,844%	17.107.402	29.485.918	46.593.320
9.	Chi phí công tác nghiệm thu công trình xây dựng trước khi đưa vào sử dụng (tt)	gtv9	gtv7 x 35%	156.025.907	56.352.407	212.378.314
10.	Chi phí thí nghiệm đối chứng (tt)	gtv10	Gxd x 0,4%	74.733.999	9.164.402	83.898.401
<b>V.</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>Gk</b>	<b>gk1 + ... + gk4</b>	<b>354.359.998</b>	<b>895.257.719</b>	<b>1.249.617.717</b>
1.	Chi phí kiểm toán	gk1	33.587.000.000 x 0,8834%	104.775.000	221.603.314	326.378.314
2.	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	gk2	33.587.000.000 x 0,5468%	58.500.000	125.153.716	183.653.716
3.	Chi phí hạng mục chung:	gk3	gk3a + gk3b	186.834.998	547.276.008	734.111.006
-	Chi phí không xác định được từ thiết kế	gk3a	Gxd x 2,5%	0	524.365.004	524.365.004
-	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường	gk3b	Gxd x 1%	186.834.998	22.911.004	209.746.002
4.	Phí thẩm định dự án	gk4		4.250.000	1.224.681	5.474.681
<b>VI.</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>Gdp</b>		<b>1.493.521.947</b>	<b>1.645.988.861</b>	<b>3.139.510.808</b>
*	<b>DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</b>	<b>Gxdct</b>	<b>(Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk+Gdp)</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>8.587.000.000</b>	<b>33.587.000.000</b>